

Bản án số: 34/2022/DS-PT

Ngày: 27/4/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2019/DSST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2020/QĐ-PT ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh BN và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 02/2022/TB-TA ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện LV.

Địa chỉ: Số 210, đường TQK, phường HB, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt S1 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện LV - Chi nhánh BN (có mặt).

Địa chỉ: Số 22, đường LTT, phường ĐP, thành phố BN, tỉnh BN.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tá T, sinh năm 1965 (có mặt).

Bà Chu Thị M, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu YL 1, phường TH, thành phố TS, tỉnh BN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà M: Ông Nguyễn Chí D
- Luật sư thuộc Công ty luật TNHH DT, Đoàn luật sư tỉnh BN (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S2 trình bày: Ngày 21/8/2015, ông Nguyễn Tá T và bà Chu Thị M có ký hợp đồng tín dụng số 130.0605/2015/HĐTD- LPBBN với Ngân hàng TMCP Bưu điện LV (viết tắt là Ngân hàng LV). Theo hợp đồng ông T, bà M được cấp hạn mức tín dụng là 719.000.000 đồng; thời hạn vay là 120 tháng; lãi suất 11%/năm; mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền xây nhà ở; kỳ hạn trả nợ gốc làm 120 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, 119 kỳ đầu mỗi kỳ trả 6.000.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 5.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay ông T, bà M ký với Ngân hàng LV hợp đồng thế chấp số 130.0316/2015/HĐTC/BĐ ngày 21/8/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 246, tờ bản đồ số 5, diện tích 107,1m² tại khu phố YL1, phường TH, thị xã TS, tỉnh BN. Thửa đất được UBND thị xã TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 948855 ngày 23/8/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị X, ngày 07/8/2015 tặng cho ông Nguyễn Tá T; tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 03 tầng, diện tích xây dựng 50m², diện tích sử dụng là 150m².

Ngày 22/8/2015, Ngân hàng LV đã giải ngân theo yêu cầu chuyển tiền của ông Nguyễn Tá T đến người thụ hưởng là anh Nguyễn Văn H theo hợp đồng thi công xây dựng nhà ở dân dụng ngày 01/8/2014, giấy xác nhận thanh toán ngày 01/8/2014 và biên bản nghiệm thu ngày 01/02/2015 giữa ông Nguyễn Tá T và anh Nguyễn Văn H.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 19/9/2015, ông T, bà M đã trả cho Ngân hàng LV tổng số tiền gốc và lãi là 9.750.081 đồng. Trong đó tiền gốc là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 3.730.081 đồng, sau đó không trả cả gốc và lãi. Ngân hàng LV đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông T, bà M không trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T, bà M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng LV tổng số tiền tính đến ngày 12/11/2019 là 1.278.978.201 đồng; trong đó dư nợ gốc là 713.000.000 đồng, lãi là 403.515.523 đồng, lãi phạt là 162.462.678 đồng. Trường hợp ông T, bà M không thanh toán được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng LV thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp của ông T, bà M là quyền sử

dụng thửa đất số 246, tờ bản đồ 05, diện tích 107,1m² và tài sản trên đất là ngôi nhà ba tầng diện tích sử dụng 150m².

Bị đơn là ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M trình bày: Thông qua anh T2 và anh P người cùng khu phố YL, phường TH vợ chồng ông có biết anh Lê Xuân H1 nhưng không biết năm sinh và địa chỉ. Do lúc này con gái và con rể của ông là Nguyễn Thị H2 và Chu Bá Q cần vốn kinh doanh nên có nhờ ông vay hộ. Ông T có nói lại với anh H1 và anh H1 đã đưa anh chị đến Văn phòng công chứng CT ở TP, ĐN, TS, BN. Tại Văn phòng công chứng ông bà đã ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Bưu điện LV, chi nhánh BN. Sau đó, ông bà còn ký kết một số thủ tục để được nhận vốn của Ngân hàng LV. Sau khi ký kết xong và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 246, tờ bản đồ 05, diện tích 107,1m² tại khu YL1, phường TH, thị xã TS, tỉnh BN cho đại diện Ngân hàng LV tại Văn phòng công chứng, sau đó ông bà về nhà chờ ngày nhận tiền. Khoảng một tuần sau anh Hùng và một người thanh niên đến giao cho ông T số tiền 230.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền ông T có ký nhận vào hóa đơn nhận tiền và được giao một liên hóa đơn nhưng anh H1 giữ lại. Vì tin tưởng nên ông T đã giao lại hóa đơn nhận tiền cho anh Hùng. Từ sau khi nhận tiền, hàng tháng con gái và con rể ông vẫn nộp tiền gốc và lãi trực tiếp cho anh H1 để anh H1 nộp hộ Ngân hàng LV mỗi tháng là 3.100.000 đồng. Việc đưa tiền cho anh Hùng cả hai bên không viết giấy tờ gì và anh H1 cũng không đưa lại giấy tờ gì cho ông T, bà M. Đến tháng 5/2019, khi anh H1 bị Công an tỉnh BN bắt ông bà mới biết đã bị anh H1 lừa. Thời điểm này ông bà cũng nhận được giấy của Ngân hàng LV về việc chậm thanh toán và mới biết anh H1 không nộp tiền vào Ngân hàng LV mặc dù đã nhận tiền của con gái và con rể ông bà. Nay ông bà thừa nhận có vay của Ngân hàng LV số tiền 230.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền này. Ông, bà đã có đơn gửi cơ quan công an tố cáo hành vi lừa đảo của anh H1. Đề nghị các cơ quan bảo vệ pháp luật làm rõ hành vi của Hùng để bảo vệ quyền lợi của ông bà.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 48, 157, 195, 198, 203, 204, 220, 235, 266, 217, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 276, 278, 280, 282, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317, 353, 357, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV đối với ông Nguyễn Tá T và bà Chu Thị M.

Buộc ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số nợ theo hợp đồng tín dụng số 130.0605/2015/HĐTD-LPBBN ngày 21/8/2015, tính đến ngày 12/11/2019 là 1.278.978.201 đồng; trong đó dư nợ gốc là 713.000.000 đồng, nợ lãi là 403.515.523 đồng, nợ lãi phạt là 162.462.678 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2019, ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận Luật sư Nguyễn Trí D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối quan hệ tín dụng giữa Ngân hàng LV với vợ chồng ông T thông qua anh Lê Xuân H1 thì anh T chỉ nhận 230.000.000 đồng, sau đó gia đình ông T trả lãi hàng tháng cho anh H1 nhưng cấp sơ thẩm không đưa anh H1 tham gia tố tụng; thứ hai là điều kiện hoàn cảnh của gia đình ông T và sự hiểu biết pháp luật của ông T nên đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho bị đơn; về án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn giảm cho ông T.

Bị đơn nhất trí với luận cứ của Luật sư không tham gia tranh luận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tranh luận cho rằng Ngân hàng LV chỉ ký hợp đồng với ông T, bà M và giải ngân cho ông T vay 719.000.000 đồng, tài sản thế chấp là của ông T, do đó trách nhiệm trả nợ là thuộc về ông T, bà M đề nghị Hội đồng xét xử bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng.

Các bên không ai tham gia tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do ông Nguyễn Tá T là gia đình chính sách nên miễn áp phí cho ông T, bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ông T, bà M nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M xác nhận ngày 21/8/2015 có ký hợp đồng tín dụng số 130.0606/2015/HĐTD-LPBBN với Ngân hàng TMCP Bưu điện LV để vay số tiền 719.000.000đ; thời hạn vay là 120 tháng; lãi suất 11%; mục đích vay thanh toán tiền xây nhà ở. Để bảo đảm khoản vay trên giữa ông T, bà M ký với Ngân hàng LV hợp đồng thế chấp số 130.0316/2015/HĐTC/BD. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 246, tờ bản đồ số 05, diện tích 107,1m² tại khu phố I, YL, phường TH, thị xã TS (nay là thành phố TS), trên đất có một ngôi nhà 03 tầng, diện tích xây dựng 50m², diện tích sử dụng 150m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã TS cấp ngày 23/8/2011, chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị X, ngày 07/8/2015, thửa đất được tặng cho ông Nguyễn Tá T.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng LV, trên cơ sở giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và các tài liệu do ông T xuất trình gồm Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở dân dụng ngày 01/8/2014 giữa ông Nguyễn Tá T với anh Nguyễn Văn H; xác nhận thanh toán giữa ông T và anh H; biên bản nghiệm thu ngày 01/02/2015 giữa ông T và anh H thì ngày 22/8/2015, Ngân hàng TMCP Bưu điện LV - Chi nhánh BN đã chuyển số tiền 719.000.000 đồng từ người chuyển là ông Nguyễn Tá T đến người nhận tiền là anh Nguyễn Văn H, số tài khoản mang tên anh H tại Ngân hàng TMCP Bưu điện LV. Việc ông T, bà M ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Bưu điện LV là hoàn toàn tự nguyện, chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung và hình thức của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và ông T, bà M cho rằng ông T không được nhận số tiền 719.000.000 đồng từ Ngân hàng LV mà chỉ được nhận 230.000.000 đồng từ anh Lê Xuân Hùng. Tuy nhiên, căn cứ các

tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 22/8/2015, ông Nguyễn Tá T ký phiếu yêu cầu chuyển số tiền 719.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H để thanh toán tiền xây dựng nhà ở và cùng ngày ông T, bà M đã ký khế ước nhận nợ 719.000.000 đồng với Ngân hàng LV. Sau đó, Ngân hàng chuyển số tiền vay vào tài khoản của anh Nguyễn Văn H là phù hợp. Như vậy, nội dung kháng cáo này của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, ông T, bà M cho rằng con gái và con rể ông bà hàng tháng vẫn đưa tiền cho anh Hùng để trả lãi và gốc cho Ngân hàng LV nhưng ông bà không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/6/2020, ông T cho rằng ông đã có đơn gửi cơ quan cảnh sát điều tra xem xét về việc anh Hùng có hành vi lừa đảo vợ chồng anh nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết nội dung tố cáo của ông T. Tuy nhiên, trong thời gian Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa và tạm đình chỉ vụ án thì anh Lê Xuân H1 chết nên Cơ quan điều tra không cung cấp được tài liệu theo đơn tố cáo của ông T cho Tòa án, do đó không có căn cứ để xem xét yêu cầu này của ông T. Nếu sau này ông T, bà M có căn cứ chứng minh anh Hùng nhận tiền vay từ Ngân hàng LV và tiền lãi của khoản vay trên thì ông T, bà M có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Như vậy, ông T, bà M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Tá T thuộc gia đình chính sách, có bố hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông T, bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 48, 157, 195, 198, 203, 204, 220, 235 166, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 276, 278, 280, 282, 292, 299, 303, 304, 307, 317, 353, 357, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV đối với ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M.

Buộc ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số nợ theo hợp đồng tín dụng số 130.0605/2015/HĐTD-LPBBN ngày 21/8/2015, tính đến ngày 12/11/2019 là 1.278.978.201 đồng. Trong đó số dư nợ gốc là 713.000.000 đồng, nợ lãi là 403.515.523 đồng, nợ lãi phạt là 162.462. 678 đồng.

Ông T, bà M tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số 130.0605/2015/HĐTD-LPBBN ngày 21/8/2015 kể từ ngày 12/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông T, bà M không trả được nợ, Ngân hàng LV có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 130.0316/2015/HĐTC/BĐ ngày 21/8/2015. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất là thửa đất số 246, tờ bản đồ số 5, diện tích 107,1m² tại khu phố YL1, phường TH, thị xã TS (nay là thành phố TS), tỉnh BN do Ủy ban nhân dân thị xã TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 948855 ngày 23/8/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị X, ngày 07/8/2015 tặng cho ông Nguyễn Tá T và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là 01 nhà 03 tầng, diện tích xây dựng 50m², diện tích sử dụng 150m² để thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV 3.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Tá T, bà Chu Thị M. Hoàn trả ông T, bà M mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002225 và biên lai số 0002226 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BN.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Bưu điện LV 23.921.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001922 ngày 27/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BN.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T2 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND TP BN;
- Chi cục THADS TP BN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tính